

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị To Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A, đường ĐX 019, Tổ 34, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Cao Minh T, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường T, thành phố C, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Nhà trọ N, số 424, đường ĐX 078, Khu phố 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị To Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị To Q và ông Cao Minh T kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Định, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân của hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà Q và ông T sinh sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Cao Minh T có tính hay ghen và hay đi uống rượu dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau, có khi ông T đánh và đến nơi bà Q làm việc để chửi bà Q. Năm 2022, ông T bỏ nhà đi ở một mình tại nhà trọ N, số 424, đường ĐX 078, Khu phố 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương và vợ chồng đã ly thân đến nay. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Cao Minh T. Bà

Q và ông T có 01 con chung tên Cao Nguyen Phuc Th, sinh ngày 14/06/2020. Bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu ông Thành cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Cao Minh T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Cao Minh T không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyen Thi To Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Cao Minh T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:
 - + Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.
 - + Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyen Thi To Q có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Cao Minh T nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Cao Minh T có nơi sinh sống tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Nguyên đơn bà Nguyen Thi To Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Cao Minh T đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi To Q và ông Cao Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND phường Tân Định, thị xã (nay thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, ngày 12 tháng 9 năm 2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại các điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà Q và ông T xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân, không hàn gắn được, bà Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Nguyen Thi To Q và ông Cao Minh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi To Q về việc ly hôn với ông Cao Minh T.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyen Thi To Q và ông Cao Minh T có 01 con chung là cháu Cao Nguyen Phuc Th, sinh ngày 14/06/2020. Xét thấy, cháu Th còn nhỏ và đang sống cùng với bà Q nên giao cháu cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyen Thi To Q không yêu cầu ông Cao Minh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyen Thi To Q chịu số tiền 3.324.000đ (ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà Q đã nộp tại Tòa án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyen Thi To Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Cao Minh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi To Q đối với ông Cao Minh T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi To Q được ly hôn đối với ông Cao Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Cao Nguyen Phuc Th, sinh ngày 14/06/2020 cho bà Nguyen Thi To Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyen Thi To Q không yêu cầu ông Cao Minh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí: Bà Nguyen Thi To Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000913 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bết Cát, tỉnh Bình Dương.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyen Thi To Q chịu số tiền 3.324.000đ (ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà Q đã nộp tại Tòa án.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND P. Tân Định;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga